

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hoàng Anh Quyết	Chủ tịch	
Ông Hoàng Văn Ty	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 10/08/2018
Ông Phan Văn Khánh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/10/2018
Bà Trần Thị Thanh Na	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2018
Ông Yang Xiao Dong	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2018
Ông Chen Yu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28/06/2018
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2018
Ông Đặng Ngọc Thông	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28/06/2018

Ban Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Anh Quyết	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Mến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Ông Lê Minh Điện.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Hoàng Anh Quyết

Tổng Giám đốc

Thái Bình, ngày 08 tháng 04 năm 2019

Số: *211* /2019/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 08/04/2019, từ trang 06 đến trang 27 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 9 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất: Theo hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 và 02/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 để thực hiện dự án “Khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường” với Công ty TNHH Việt Nhật. Định kỳ 6 tháng/lần Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình phải lập báo cáo về tình hình thực hiện dự án để Công ty có thể nắm bắt được. Tuy nhiên, trong năm 2018 Công ty chưa nhận được báo cáo nào về tình hình thực hiện dự án từ Công ty TNHH Việt Nhật. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của công ty được một doanh nghiệp khác kiểm toán và đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính đó tại ngày 29/03/2018.



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 0798-2018-112-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
Hà Nội, ngày 08 tháng 04 năm 2019

Lê Quang Nghĩa
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán số 3660-2017-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2018

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.022.351.112	48.320.300.319
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	744.051.349	886.377.556
Tiền	111		744.051.349	886.377.556
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		35.106.633.188	30.539.715.622
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	6.494.313.685	18.565.448.308
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	29.034.090.142	11.064.010.741
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	700.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	345.577.044	1.900.000.000
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	6	(767.457.683)	(1.689.743.427)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		110.000	-
Hàng tồn kho	140	9	11.904.082.568	15.770.225.535
Hàng tồn kho	141		11.904.082.568	15.770.225.535
Tài sản ngắn hạn khác	150		267.584.007	1.123.981.606
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	170.300.115	321.066.878
Thuế GTGT được khấu trừ	152		97.283.892	802.914.728
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.127.037.250	47.411.990.702
Các khoản phải thu dài hạn	210		14.000.000.000	14.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	14.000.000.000	14.000.000.000
Tài sản cố định	220	10	16.544.856.480	23.272.605.630
Tài sản cố định hữu hình	221		16.544.856.480	23.272.605.630
- Nguyên giá	222		24.943.550.246	34.881.903.762
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.398.693.766)	(11.609.298.132)
Tài sản dở dang dài hạn	240	11	14.341.142.042	9.388.767.557
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		14.341.142.042	9.388.767.557
Tài sản dài hạn khác	260		241.038.728	750.617.515
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	93.546.287	603.125.074
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		147.492.441	147.492.441
TỔNG TÀI SẢN	270		93.149.388.362	95.732.291.021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2018

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		15.881.552.551	17.240.564.390
Nợ ngắn hạn	310		15.670.282.605	16.526.834.336
Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	6.868.844.155	6.258.191.696
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	1.706.822.323	3.974.882.421
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	1.570.707.130	2.269.060.505
Phải trả người lao động	314		-	99.253.386
Phải trả ngắn hạn khác	319		1.520.138.628	120.138.628
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	4.003.770.369	3.805.307.700
Nợ dài hạn	330		211.269.946	713.730.054
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15	211.269.946	713.730.054
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	16	77.267.835.812	78.491.726.631
Vốn chủ sở hữu	410		77.267.835.812	78.491.726.631
Vốn góp của chủ sở hữu	411		75.704.440.000	70.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		75.704.440.000	70.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.563.395.812	8.491.726.631
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.387.286.631	8.850.160.412
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		176.109.181	(358.433.781)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		93.149.388.362	95.732.291.021

Thái Bình, ngày 08 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Lê Minh Điện

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Quyết

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	161.925.037.490	38.915.568.272
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		161.925.037.490	38.915.568.272
Giá vốn hàng bán	11	18	156.059.614.705	33.726.113.682
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.865.422.785	5.189.454.590
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	63.378.020	2.313.073.510
Chi phí tài chính	22	22	380.181.179	456.910.997
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		380.181.179	456.910.997
Chi phí bán hàng	25	19	1.525.149.657	1.023.300.913
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	1.952.306.467	2.955.024.943
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.071.163.502	3.067.291.247
Thu nhập khác	31	23	806.756.045	33.005.235
Chi phí khác	32	24	2.604.655.066	2.747.495.685
Lợi nhuận khác	40		(1.797.899.021)	(2.714.490.450)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		273.264.481	352.800.797
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		97.155.300	739.145.183
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(27.910.605)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		176.109.181	(358.433.781)
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		176.109.181	(358.433.781)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	23	(47)

Thái Bình, ngày 08 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quỳnh

Lê Minh Diệm

Hoàng Anh Quyết

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		273.264.481	352.800.797
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.225.896.535	3.402.460.313
Các khoản dự phòng	03		(922.285.744)	110.618.375
Lỗ/(Lãi) hoạt động đầu tư	05		2.439.374.002	(309.014.552)
Chi phí lãi vay	06		380.181.179	456.910.997
Các điều chỉnh khác	07		-	1.268.625.694
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.396.430.453	5.282.401.624
Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	09		12.169.099.606	(6.652.843.500)
(Tăng)/ Giảm hàng tồn kho	10		(1.086.231.518)	3.393.837.888
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.630.847.348)	(10.864.668.352)
Giảm chi phí trả trước	12		660.345.550	19.957.942
Tiền lãi vay đã trả	14		(380.181.179)	(456.910.997)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(921.322.352)	(434.599.717)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		14.207.293.212	(9.712.825.112)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.950.000.000)	(5.774.000.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.004.000.000	1.845.454.545
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	153.551.456
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.900.000.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		378.020	2.313.073.510
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(14.045.621.980)	(1.461.920.489)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		6.860.040.315	6.830.366.914
Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.164.037.754)	(7.459.338.410)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(303.997.439)	(628.971.496)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(142.326.207)	(11.803.717.097)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	886.377.556	12.690.094.653
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	744.051.349	886.377.556

Thái Bình, ngày 08 tháng 04 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Quỳnh

Lê Minh Diện

Hoàng Anh Quyết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung được thành lập và hoạt động trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Tiên Trung (Doanh nghiệp được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 1000332857 ngày 10 tháng 04 năm 2003) theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 17 tháng 12 năm 2010.

Trong năm, Công ty đã điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 70.000.000.000 đồng lên 72.099.990.000 đồng (Bảy mươi hai tỷ không trăm chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng), tương ứng 7.209.999 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 25/08/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp. Sau đó, Công ty đã điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 72.099.990.000 đồng lên 75.704.440.000 đồng (Bảy mươi lăm tỷ bảy trăm linh bốn triệu bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng), tương ứng với 7.570.444 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 03 tháng 12 năm 2018.

Cổ phiếu của Công ty đã được niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TTZ.

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Ngành nghề sản xuất kinh doanh theo đăng ký

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải;
- Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất bột đá xây dựng, sản xuất đá mài, đá rậm, đá đánh bóng và các sản phẩm đá tự nhiên, đá nhân tạo (bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp như giấy cát...; Sản xuất đá xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng chi tiết, bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, vecni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm là kinh doanh phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng và dịch vụ vận chuyển.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm %	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình	Hòa Bình	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng, sản xuất gạch
Công ty TNHH MTV Tiên Trung Sơn La	Sơn La	100%	100%	Kinh doanh vật liệu xây dựng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.3 CƠ SỞ HỢP NHẤT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất riêng của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31/12/2018. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 HỢP NHẤT KINH DOANH

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu là lốp xe, dầu máy và các chi phí trả trước dài hạn khác khác như công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành từ 6 tháng đến 36 tháng.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho là cát, đá được Công ty kiểm kê dựa vào hình dáng của đồng cát, đá sau đó đo đạc chiều cao, chiều dài và chiều rộng của khối cát hoặc đồng đá để tính ra khối lượng tồn kho của mỗi loại. Ban Giám đốc tin tưởng rằng phương pháp kiểm kê này là phù hợp, số dư hàng tồn kho trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là hợp lý.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Ban giám đốc Công ty đã xem xét chi tiết số dư hàng tồn kho tại ngày 31/12/2018 và không thấy có hàng tồn kho nào cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14 - 19
- Máy móc, thiết bị	03 - 14
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10

3.6 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.7 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

3.8 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ bao gồm toàn bộ lãi tiền vay tính trên các khoản Công ty nhận tiền của các tổ chức, cá nhân.

3.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	701.059.008	814.564.136
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.992.341	71.813.420
	<u>744.051.349</u>	<u>886.377.556</u>

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	170.300.115	321.066.878
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	170.300.115	321.066.878
Dài hạn	93.546.287	603.125.074
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	93.546.287	603.125.074
	<u>263.846.402</u>	<u>924.191.952</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	6.494.313.685	(767.457.683)	18.565.448.308	(1.689.743.427)
- Công ty TNHH Thiên An Sơn	360.219	-	5.486.803.019	-
- Công ty Cổ phần Cấp nước Hiệp Hòa	-	-	1.024.280.949	(161.875.851)
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Sông Lục	-	-	1.379.950.000	-
- Công ty TNHH Long Triều	451.100.003	(451.100.003)	1.151.100.003	(1.151.100.003)
- Công ty TNHH Auto Bike	-	-	2.000.000.000	-
- Công ty TNHH Ô tô và Thiết bị Thiên Trường Long	4.496.400.000	-	-	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	1.546.453.463	(316.357.680)	7.523.314.337	(376.767.573)
Dài hạn	-	-	-	-
	6.494.313.685	(767.457.683)	18.565.448.308	(1.689.743.427)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	29.034.090.142	-	11.064.010.741	-
- Nguyễn Hữu Hạnh (1)	10.500.000.000	-	-	-
- Bùi Văn Tường (2)	6.450.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Long Phát Đạt	4.085.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Skylink Việt Nam	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
- Ông Nguyễn Văn Vinh (3)	5.107.788.532	-	5.000.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	391.301.610	-	564.010.741	-
Dài hạn	-	-	-	-
	29.034.090.142	-	11.064.010.741	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP)

- (1) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc giữa Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Tiến Trung với ông Nguyễn Hữu Hạnh nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất lô số BL524975 với diện tích 20.808 m² tại Đồi Khạo, Xóm Khuộc, Xã Cao Rằm, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình
- (2) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc giữa Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình với ông Bùi Văn Tường nhằm mục đích nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất lô số BL524980 với diện tích 16.944 m² tại Đồi Khạo, Xóm Khuộc, Xã Cao Rằm, Huyện Lương Sơn, Tỉnh Hòa Bình.
- (3) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/04/2016 giữa Công ty TNHH MTV Tiến Trung Hòa Bình và ông Nguyễn Văn Vinh tại thửa đất số lô số CH02710 với diện tích 33.317,2 m² tại Xóm Trọng, Xã Phong Phú, Huyện Tân Lạc, Tỉnh Hòa Bình.

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	345.577.044	-	1.900.000.000	-
- Ông Lê Viết Quỳnh - tiền chuyển nhượng khoản đầu tư	-	-	1.900.000.000	-
- Ông Hoàng Anh Quyết	240.000.000	-	-	-
- Nguyễn Thị Liên	63.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	42.577.044	-	-	-
Dài hạn	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
- Phải thu tiền hợp tác đầu tư dự án (1)	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
	14.345.577.044	-	15.900.000.000	-

Ghi chú:

- (1) Là khoản tiền góp vốn hợp tác thực hiện dự án “Khai thác thăm dò chế biến đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường” trên diện tích 7,2 ha, tổng vốn đầu tư dự kiến 70.000.000.000 đồng tại huyện Lương Sơn, Hòa Bình với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình theo hai hợp đồng Hợp tác kinh doanh:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

8. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

- Hợp đồng số 01/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 giữa Công ty mẹ - Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiên Trung với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình; giá trị hợp tác tại ngày 31/12/2017 là 9.000.000.000 đồng;
- Hợp đồng số 02/2017/HĐHTĐT ngày 04/12/2017 giữa Công ty con - Công ty TNHH MTV Tiên Trung Hòa Bình với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình, giá trị hợp tác tại ngày 31/12/2017 là 5.000.000.000 đồng;

Các nghĩa vụ, quyền lợi cho mỗi Bên sẽ được phân chia theo tỷ lệ tham gia đầu tư. Thời gian hợp tác kinh doanh tương ứng thời gian đầu tư của dự án khai thác thăm dò chế biến là 23 năm. Định kỳ 6 tháng/lần Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình sẽ lập báo cáo về tình hình thực hiện dự án để Công ty có thể nắm bắt được.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	868.411.842	-	5.087.614.397	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	9.970.866.252	-	136.399.080	-
Thành phẩm	526.246.183	-	1.932.814.278	-
Hàng hóa	538.558.291	-	8.613.397.780	-
	11.904.082.568	-	15.770.225.535	-

(*) Là chi phí thực hiện san lấp mặt bằng tại xóm Rụt, xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình theo Hợp đồng san lấp mặt bằng với Công ty TNHH Việt Nhật Hòa Bình ngày 01 tháng 01 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

10. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
	14.341.142.042	9.388.767.557
	14.341.142.042	9.388.767.557
	<u>14.341.142.042</u>	<u>9.388.767.557</u>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

- Đầu tư xây dựng nhà máy gạch Tiến Trung Hòa Bình (*)

(*) Chi phí thi công xây dựng nhà máy gạch Tuynel Phong Phú tại Xóm Trọng, xã Phong Phú, huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình theo kế hoạch điều chỉnh mở rộng quy mô dự án đã được UBND tỉnh Hòa Bình phê duyệt theo Quyết định chủ trương đầu tư số 06/QĐ-UBND ngày 07/02/2017 về việc điều chỉnh quy mô và hạng mục đầu tư của dự án nhà máy gạch. Theo tiến độ thực hiện dự án đầu tư được triển khai trong Quyết định số 06/QĐ-UBND, tháng 8 năm 2018 sẽ đưa vùng nguyên liệu vào khai thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
01/01/2018	19.833.763.271	4.522.329.368	10.525.811.123	34.881.903.762
- Thanh lý, nhượng bán	(4.365.184.842)	(1.209.480.519)	(4.363.688.155)	(9.938.353.516)
31/12/2018	15.468.578.429	3.312.848.849	6.162.122.968	24.943.550.246
HAO MÒN LŨY KẾ				
01/01/2018	(4.637.042.115)	(2.217.840.556)	(4.754.415.461)	(11.609.298.132)
- Khấu hao trong năm	(1.360.654.257)	(741.294.336)	(1.123.947.942)	(3.225.896.535)
- Thanh lý, nhượng bán	2.446.637.579	939.665.890	3.050.197.432	6.436.500.901
31/12/2018	(3.551.058.793)	(2.019.469.002)	(2.828.165.971)	(8.398.693.766)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
01/01/2018	15.196.721.156	2.304.488.812	5.771.395.662	23.272.605.630
31/12/2018	11.917.519.636	1.293.379.847	3.333.956.997	16.544.856.480

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 3.302.982.662 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	6.868.844.155	6.868.844.155	6.258.191.696	6.258.191.696
- Công ty TNHH hóa dầu và chất đốt	733.103.010	733.103.010	763.248.330	763.248.330
- Công ty TNHH ĐĐ62	1.104.000.000	1.104.000.000	1.104.000.000	1.104.000.000
- Công ty TNHH Hiền Anh	802.593.000	802.593.000	-	-
- Công ty TNHH Thái Dương	800.000.000	800.000.000	800.000.000	800.000.000
- Các đối tượng khác	3.429.148.145	3.429.148.145	3.590.943.366	3.590.943.366
Dài hạn	-	-	-	-
	6.868.844.155	6.868.844.155	6.258.191.696	6.258.191.696

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Giá trị	Giá trị	Giá trị
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn	1.706.822.323	1.085.000.000	3.974.882.421	-
- Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Long Phát Đạt	-	-	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Ô tô Thiên Trường	621.822.323	621.822.323	974.882.421	-
- Các đối tượng khác	-	-	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
	1.706.822.323	1.085.000.000	3.974.882.421	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2018	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2018
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	603.066.238	337.025.390	343.861.737	596.229.891
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.553.082.477	97.155.300	921.322.352	728.915.425
- Thuế thu nhập cá nhân	-	7.780.000	2.580.000	5.200.000
- Thuế tài nguyên	53.440.000	3.654.188	35.230.566	21.863.622
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	100.786.665	29.900.000	70.886.665
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	59.471.790	101.793.925	13.654.188	147.611.527
	2.269.060.505	648.195.468	1.346.548.843	1.570.707.130

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ CÔNG NGHỆ TIẾN TRUNG
Xã Tây Lương, Huyện Tiên Hải, Tỉnh Thái Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Nội dung	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	3.430.040.315	3.430.040.315	6.852.807.700	3.422.807.700
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (1)	3.430.040.315	3.430.040.315	6.852.807.700	3.422.807.700
Nợ dài hạn đến hạn trả	573.730.054	573.730.054	311.230.054	382.500.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	360.000.000	360.000.000	240.000.000	240.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (3)	213.730.054	213.730.054	71.230.054	142.500.000
Cộng	4.003.770.369	4.003.770.369	7.164.037.754	3.805.307.700
Vay dài hạn	211.269.946	211.269.946	502.460.108	713.730.054
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (2)	140.000.000	140.000.000	360.000.000	500.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (3)	71.269.946	71.269.946	142.460.108	213.730.054
Cộng	211.269.946	211.269.946	502.460.108	713.730.054

Ghi chú:

- Hợp đồng hạn mức tín dụng cấp tín dụng hạn mức số 629/2018/HDTĐ/HMI/01 ngày 20/9/2018, giá trị hạn mức tín dụng 3.700.000.000, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 20/09/2018 đến ngày 20/09/2019, lãi suất quy định theo từng khế ước nhận nợ. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh thương mại hàng hoá. Tài sản đảm bảo là tài sản của bên thứ 3 - Hợp đồng thế chấp tài sản số 757/2016/HDDTC ký ngày 23/3/2016 giữa TPBank và ông Hoàng Anh Quyết.
- Hợp đồng tín dụng số 210116-2600476-01-SME ngày 23/01/2016, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 05/01/2016, lãi suất vay thả nổi theo lãi suất vay dài hạn của ngân hàng VP Bank. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua xe ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô Hyundai biển số 17A-053.59 và xe ô tô TMT biển số 17A-061.69.
- Hợp đồng tín dụng số 3400LAV201600087 ngày 05/04/2016, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày 05/04/2016, lãi suất 10%/ năm. Mục đích vay: Thanh toán tiền mua ô tô đầu tư tài sản cố định. Tài sản đảm bảo là xe ô tô biển số 17C-06656.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
01/01/2017	70.000.000.000	8.850.160.412	78.850.160.412
- Lỗi trong năm trước	-	(358.433.781)	(358.433.781)
31/12/2017	70.000.000.000	8.491.726.631	78.491.726.631
01/01/2018	70.000.000.000	8.491.726.631	78.491.726.631
- Lãi trong năm nay	-	176.109.181	176.109.181
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu (*)	5.704.440.000	(5.704.440.000)	-
- Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
+ Chia cổ tức trong năm	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
31/12/2018	75.704.440.000	1.563.395.812	77.267.835.812

(*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2017/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/04/2017 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/2018/NQ - ĐHĐCĐ ngày 28/06/2018.

16.2 CỔ PHIẾU

	31/12/2018	01/01/2018
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.570.444	7.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.570.444	7.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	7.570.444	7.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.570.444	7.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	7.570.444	7.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
- Doanh thu bán hàng	161.456.661.335	30.817.879.886
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	468.376.155	8.097.688.386
	161.925.037.490	38.915.568.272

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

18. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Giá vốn bán hàng	155.941.363.762	28.009.457.405
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	118.250.943	5.716.656.277
	156.059.614.705	33.726.113.682

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	1.952.306.467	2.955.024.943
- Chi phí nhân viên	625.468.184	646.606.695
- Chi phí dụng cụ văn phòng	631.409.112	638.094.335
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	784.702.884	1.040.065.225
- Chi phí thuế, phí, lệ phí	107.786.665	200.627.300
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	645.376.028	318.885.633
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(902.285.744)	110.618.375
- Chi phí quản lý khác	59.849.338	127.380
Các khoản chi phí bán hàng	1.525.149.657	1.023.300.913
- Chi phí xăng dầu	-	472.608.070
- Chi phí nhân viên	136.000.000	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.288.828.108	503.635.983
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.321.549	47.056.860
	3.477.456.124	3.978.325.856

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	2.442.257.067	7.189.634.155
- Chi phí nhân công	3.062.452.184	2.585.766.366
- Chi phí đồ dùng văn phòng	865.492.722	3.402.460.313
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.225.896.535	3.279.698.981
- Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(902.285.744)	110.618.375
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.251.288.078	200.754.680
	9.945.100.842	16.768.932.870

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63.378.020	2.221.761.798
- Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	91.311.712
	63.378.020	2.313.073.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Chi phí lãi vay	380.181.179	456.910.997
	380.181.179	456.910.997

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Các khoản khác	806.756.045	33.005.235
	806.756.045	33.005.235

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
- Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đã bù trừ tiền thu thanh lý	2.502.752.022	2.004.904.193
- Các khoản chi phí khác	101.903.044	742.591.492
	2.604.655.066	2.747.495.685

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm 2018	Năm 2017
Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	176.109.181	(358.433.781)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP)	7.570.444	7.570.444
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	23	(47)

26. THÔNG TIN KHÁC

26.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	121.800.000	121.800.000

Số dư với các bên liên quan

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Tạm ứng		
- Ông Hoàng Anh Quyết Tổng Giám đốc	240.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

26.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Tiến Trung đã được kiểm toán đã được kiểm toán.

Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Công nghệ Tiến Trung đã trình bày phân loại lại một số chỉ tiêu; và Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình điều chỉnh hồi tố ghi nhận Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ vào Chi phí khác trong năm 2017 theo Biên bản thanh tra thuế, số liệu này ảnh hưởng đến số liệu so sánh hợp nhất của công ty năm 2017 như sau:

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Báo cáo kiểm toán năm trước	01/01/2018
				VND Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
TÀI SẢN				
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	242	9.388.767.557	14.388.767.557	(5.000.000.000)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11.064.010.741	6.064.010.741	5.000.000.000
Thuế GTGT được khấu trừ	152	802.914.728	1.317.995.460	(515.080.732)
NGUỒN VỐN				
Lợi nhuận chưa phân phối	421	8.491.726.631	9.006.807.363	(515.080.732)

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Báo cáo kiểm toán năm trước	Năm 2017
				VND Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
Chi phí khác	32	2.747.495.685	2.232.414.953	515.080.732
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(358.433.781)	156.646.951	(515.080.732)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(47)	22	(69)

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Báo cáo kiểm toán năm trước	Năm 2017
				VND Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
Lợi nhuận trước thuế	01	352.800.797	867.881.529	(515.080.732)
Giảm các khoản phải thu	09	(6.652.843.500)	(7.167.924.232)	515.080.732
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(1.000.000.000)	1.000.000.000

Người lập biểu

Nguyễn Thị Quỳnh

Kế toán trưởng

Lê Minh Diện

Thái Bình, ngày 08 tháng 04 năm 2019

Tổng Giám đốc

Hoàng Anh Quyết

Số: 06/2019/TTZ-TCKT

V/v: Giải trình chênh lệch về số liệu trước và sau kiểm toán trong BCTC hợp nhất Công ty năm 2018 và việc hồi tố BCTC năm 2017

Thái Bình, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung (TTZ) xin gửi tới Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng!

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung xin giải trình về sự chênh lệch trong số liệu trước và sau kiểm toán tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 và việc hồi tố BCTC hợp nhất năm 2017 của Công ty như sau:

I. Giải trình việc chênh lệch về số liệu trước và sau kiểm toán trong BCTC hợp nhất Công ty năm 2018.

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu sau kiểm toán	Số liệu trước kiểm toán	Chênh lệch
1	Tiền	111	744,051,349	2,201,509,271	(1,457,457,922)
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	29,034,090,142	7,293,484,085	21,740,606,057
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	15,805,577,044	(15.805.577.044)
4	Phải thu ngắn hạn khác	136	345,577,044		345,577,044
5	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	(767,457,683)	(888,126,524)	120,668,841
6	Hàng tồn kho	141	11,904,082,568	7,802,300,801	4,101,781,767
7	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	170,300,115	191,054,555	(20,754,440)
8	Thuế GTGT được khấu trừ	152	97,283,892	578,054,055	(480,770,163)
9	Phải thu dài hạn khác	216	14,000,000,000		14,000,000,000
10	Nguyên giá	222	24,943,550,246	29,667,797,882	(4,724,247,636)
11	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(8,398,693,766)	(11,611,442,595)	3,212,748,829
12	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	24,641,574,281	(24,641,574,281)
13	Chi phí trả trước dài hạn	261	93,546,287		93,546,287
14	Tài sản dài hạn khác	268	-	76,759,417	(76,759,417)
15	Phải trả ngắn hạn khác	319	1,520,138,628	3,097,874,093	(1,577,735,465)
16	Vay và nợ thuê tài	320		4,215,000,000	



	chính ngắn hạn		4,003,770,369		(211,229,631)
17	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	211,269,946	0	211,269,946
18	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	1,563,395,812	3,827,700,877	(2,264,305,065)
19	Chi phí bán hàng	25	1,525,149,657	595,849,191	929,300,466
20	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	1,952,306,467	2,094,564,124	(142,257,657)
21	Thu nhập khác	31	806,756,045	929,957,318	(123,201,273)
22	Chi phí khác	32	2,604,655,066	1,904,893,771	699,761,295
23	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	273,264,481	1,948,752,708	(1,675,488,227)
24	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	97,155,300	840,068,216	(742,912,916)
25	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	176,109,181	1,108,684,492	(932,575,311)

Nguyên nhân:

- Tiền và các khoản tương đương tiền giảm số tiền: 1,457,457,922 đồng chủ yếu là do phản ánh chưa hạch toán đầy đủ các nghiệp vụ kế toán như đã trình bày trong giải trình chênh lệch về số liệu trước và sau kiểm toán BCTC năm 2018 công ty mẹ
- Trả trước cho người bán ngắn hạn tăng số tiền: 21,740,606,057 đồng chủ yếu do Công ty đang phản ánh chưa đúng tính chất khoản chi phí xây dựng cơ bản dở dang, khoản này được điều chỉnh sang trả trước cho người bán ở cả công ty mẹ và công ty con.
- Phải thu nội bộ ngắn hạn giảm 15,805,577,044 đồng, do Công ty chưa bù trừ giao dịch nội bộ trong báo cáo hợp nhất.
- Phải thu ngắn hạn khác tăng 345,577,044 đồng do Công ty chưa phân loại đúng tính chất của khoản phải thu và được tái phân loại lại.
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi giảm 120,668,841 đồng do công ty chưa tính đúng tỷ lệ các khoản phải thu khó đòi trên BCTC của công ty mẹ
- Hàng tồn kho tăng 4,101,781,767 đồng, do Công ty ghi nhận thiếu giá trị hàng tồn kho tại công ty con và giá trị công trình thi công dở dang tại Công ty mẹ.
- Chi phí trả trước ngắn hạn giảm 20,754,440 đồng và chi phí trả trước dài hạn tăng 93,546,287 đồng do công ty phản ánh chưa đúng mức phân bổ các chi phí trả trước trong kỳ tại công ty mẹ và công ty con .
- Thuế GTGT được khấu trừ giảm 480,770,163 đồng do điều chỉnh hồi tố thuế GTGT được khấu trừ tại công ty con và bổ sung các nghiệp vụ bị thiếu tại công ty mẹ.
- Phải thu dài hạn tăng 14.000.000.000 đồng do Công ty chưa phân loại đúng tính chất khoản phải thu và được tái phân loại lại trên báo cáo hợp nhất.
- Nguyên giá tài sản cố định giảm 4,724,247,636 đồng và khấu hao tài sản cố định giảm 3,212,748,829 đồng, do Công ty chưa phản ánh hạch toán thiếu ghi giảm tài sản cố định do thanh lý tài sản cố định theo quyết định của HĐQT.
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang giảm 24,641,574,281 đồng do Công ty phản ánh chưa đúng tính chất của khoản chi phí của doanh nghiệp, khoản chi phí này được điều chỉnh sang khoản mục ứng trước cho người bán tại công ty con và công ty mẹ.
- Tài sản dài hạn khác giảm 76,759,417 đồng do công ty phản ánh chưa đúng tính chất của khoản chi phí nên được tái phân loại lại khoản mục trên báo cáo tài chính.

- Phải trả ngắn hạn khác giảm 1,577,735,465 đồng do chưa phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ liên quan đến tiền trên tài khoản ngân hàng như đã trình bày trong giải trình chênh lệch về số liệu trước và sau kiểm toán BCTC năm 2018 công ty mẹ.

- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 211,229,631 đồng và vay nợ và thuê tài chính dài hạn tăng 211,229,631 đồng do Công ty phản ánh đúng tính chất của khoản thời hạn của khoản vay nợ trong kỳ.

- Chi phí bán hàng tăng 929,300,466 đồng chủ yếu do công ty phản ánh thiếu chi phí bán hàng trong kỳ và phản ánh chưa đúng tính chất của khoản chi phí giữa chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại báo cáo giải trình chênh lệch kết quả kinh doanh trước và sau kiểm toán của công ty mẹ.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 142,257,657 đồng do Công ty chưa phản ánh đúng tính chất chi phí giữa chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp dẫn đến hạch toán điều chỉnh lại tại báo cáo công ty mẹ và công ty con.

- Thu nhập khác giảm 123,201,273 đồng và chi phí khác tăng 699,761,295 đồng do Công ty ghi nhận chưa đúng khoản thu nhập về thanh lý tài sản cố định cũng như chi phí thanh lý tài sản cố định tại công ty mẹ và công ty con

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 1,675,488,227 đồng chủ yếu do tăng chi phí bán hàng và chi phí khác của Công ty đồng thời dẫn đến giảm chi phí thuế TNDN và lợi nhuận kế toán sau thuế.

II. Giải trình hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017.

Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiên Trung Hòa Bình điều chỉnh hồi tố ghi nhận Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ vào Chi phí khác trong năm 2017 theo Biên bản thanh tra thuế dẫn đến số liệu này ảnh hưởng đến số liệu so sánh hợp nhất của công ty năm 2017 như sau:

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Báo cáo kiểm toán năm trước	01/01/2018 VND	
				Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)	
TÀI SẢN					
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang	242	9.388.767.557	14.388.767.557	(5.000.000.000)	
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11.064.010.741	6.064.010.741	5.000.000.000	
Thuế GTGT được khấu trừ	152	802.914.728	1.317.995.460	(515.080.732)	
NGUỒN VỐN					
Lợi nhuận chưa phân phối	421	8.491.726.631	9.006.807.363	(515.080.732)	

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIÊN TRUNG**
TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Anh Quyết

Số: 02/2019/TC-KT

V/v: Giải trình chênh lệch kết quả hoạt động trong BCTC hợp nhất sau kiểm toán năm 2017 với năm 2018 và giải trình hồi tố báo cáo tài chính năm 2017 hợp nhất

Thái bình, ngày 10 tháng 04 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung (TTZ) xin gửi tới Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội lời chào trân trọng!

Thực hiện theo hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán tại khoản 4 Điều 11, Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung xin giải trình về kết quả kinh doanh hợp nhất giữa năm 2018 (Kỳ báo cáo) và năm 2017 (kỳ trước) và giải trình về việc điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính năm 2017 hợp nhất như sau:

I. Kết quả kinh doanh giữa năm 2018 (kỳ báo cáo) và báo cáo năm 2017 (kỳ trước).

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017	Thay đổi (%)
1	Tổng doanh thu & thu nhập khác	162,795,171,555	41,261,647,017	294.54%
	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	161,925,037,490	38,915,568,272	316.09%
	Doanh thu hoạt động tài chính	63,378,020	2,313,073,510	-97.26%
	Thu nhập khác	806,756,045	33,005,235	2344.33%
2	Tổng chi phí	162,521,907,074	40,908,846,220	297.28%
	Giá vốn hàng bán	156,059,614,705	33,726,113,682	362.73%
	Chi phí tài chính	380,181,179	456,910,997	-16.79%
	Chi phí bán hàng	1,525,149,657	1,023,300,913	49.04%
	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,952,306,467	2,955,024,943	-33.93%
	Chi phí khác	2,604,655,066	2,747,495,685	-5.20%
3	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	273,264,481	352,800,797	-22.54%
	Chi phí thuế TNDN hiện hành	97,155,300	739,145,183	-86.86%
	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	(27,910,605)	-100.00%
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	176,109,181	(358,433,781)	-149.13%



1. Giải trình chênh lệch doanh thu

Tổng doanh thu và thu nhập khác hợp nhất của Công ty năm 2018 tăng 316,09% so với năm 2017 chủ yếu do tăng hoạt động bán hàng thương mại tại Công ty mẹ (như đã giải trình trong chênh lệch HDKD báo cáo tài chính riêng).

2. Giải trình chênh lệch chi phí

Tổng chi phí năm 2018 tăng 297,28% so với năm 2017 do việc tăng giá vốn, chi phí, tương ứng với sự tăng trưởng về doanh thu do hoạt động bán hàng thương mại mà ảnh hưởng chủ yếu là từ hoạt động kinh doanh bán hàng tại công ty mẹ (như đã giải trình trong chênh lệch HDKD báo cáo tài chính riêng).

3. Giải trình về chênh lệch lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế của công ty giảm 22.54% và lợi nhuận sau thuế giảm 149.13% do việc trong năm 2018 công ty có tiến hành thanh lý tài sản cố định, thực hiện quá trình chuyển trụ sở văn phòng theo nghị quyết của Hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 từ Thái Bình lên Hà Nội.

Ngoài ra, trong năm 2018, Công ty TNHH MTV công nghệ Tiến trung Hòa Bình có nhận được quyết định kiểm tra của cơ quan thuế dẫn đến điều chỉnh hồi tố ghi nhận chi phí thuế GTGT được khấu trừ vào chi phí khác trong năm 2017 là 515.080.732 đồng.

II. Giải trình việc hồi tố báo cáo tài chính năm 2017.

Công ty TNHH MTV Công nghệ Tiến Trung Hòa Bình điều chỉnh hồi tố ghi nhận Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ vào Chi phí khác trong năm 2017 theo Biên bản thanh tra thuế dẫn đến số liệu này ảnh hưởng đến số liệu so sánh hợp nhất của công ty năm 2017 như sau:

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

				Năm 2017 VND
Chi phí khác	32	2.747.495.685	2.232.414.953	515.080.732
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(358.433.781)	156.646.951	(515.080.732)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(47)	22	(69)

CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Báo cáo kiểm toán năm trước	Số điều chỉnh Tăng(+)/ Giảm(-)
Lợi nhuận trước thuế	01	352.800.797	867.881.529	(515.080.732)
Giảm các khoản phải thu	09	(6.652.843.500)	(7.167.924.232)	515.080.732
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	(1.000.000.000)	1.000.000.000

Trên đây là nguyên nhân dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh hợp nhất năm 2018 so với năm 2017 và việc điều chỉnh hồi tố của báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và công nghệ Tiến Trung.

Công ty xin báo cáo Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội được biết.

Xin gửi tới Quý cơ quan lời chào trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TC-KT

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
VÀ CÔNG NGHỆ TIỀN TRUNG**



Hoàng Anh Quyết

